

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học Kỳ 3 - Năm Học 2021 - 2022

Khoa: Khoa học Tự nhiên, KHXH&VHD, Ngoại ngữ, Kỹ thuật - Công nghệ, Kinh tế - QTKD, Nông - Lâm - Ngư, GDTH&MN, Nghệ thuật - TDTT, Chính trị - TLGD.

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
1	DPT220	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trắc nghiệm	2119D15A (K19 ĐH Công nghệ thông tin A)	1	30	25/7/2022	07g30	HDH301
				2119D41A (K19 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử)	1,3,7	27			HDH214
				2119D15B (K19 ĐH Công nghệ thông tin B)	8	3			HDH216
				2119D42A (K19 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)		3			
				1715D11A (K15 ĐH Quản trị kinh doanh)		1			
				1816D10A (K16 ĐH Kế toán A)	2	1			
				1816D11A (K16 ĐH Quản trị kinh doanh)	2	2			
				1917D10A (K17 ĐH Kế toán A)	2,7	1			
				2018D10A (K18 ĐH Kế toán A)	7	1			
				2018D11A (K18 ĐH Quản trị kinh doanh)	2	1			
				2119D10A (K19 ĐH Kế toán A)	1	8			
				2119D10B (K19 ĐH Kế toán B)	8	3			
				2119D10C (K19 ĐH Kế toán C)	7,8	7			B13
				2119D16A (K19 ĐH Tài chính - Ngân hàng)	1,7,8	13			
				2119D51A (K19 ĐH Kinh tế)	7,8	21			C14
				2119D83A (K19 ĐH Công tác xã hội)	2,3	10			HDH204
				1614D13A (K14 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	7	1			
				1614D30A (K14 ĐH Thú y)	7	2			
				1917D13A (K17 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	7	1			
				2119D13A (K19 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	8	2			
				2119D30A (K19 ĐH Thú y)	4	10			

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
2	DPT220	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trắc nghiệm	1816D04A (K16 ĐH Ngôn ngữ Anh)	3	1	25/7/2022	09g00	HDH204
				1816D18B (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)	7	1			
				1917D04A (K17 ĐH Ngôn ngữ Anh)	4	1			
				2018D18C (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	3	1			
				2119D04A (K19 ĐH Ngôn ngữ Anh A)	2	25			
				2119D04B (K19 ĐH Ngôn ngữ Anh B)	2,3	28			HDH214
				2119D18A (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	4	20			B13
				2119D18A (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	4	20			C14
				2119D18B (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)	5	34			HDH301
				2119D18C (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	6	10			HDH216
				2119D18D (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)	3	19			
				2119D18E (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc E)	5	32			HDH301
3	DPT220	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trắc nghiệm	2119D28A (K19 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	1	19	25/7/2022	10g30	C14
				1917D70A (K17 ĐH Giáo dục Thể chất)	1	1			
				2119D60A (K19 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	1	7			HDH204
				2119D70A (K19 ĐH Giáo dục Thể chất)	1,3	9			
				2018D05A (K18 ĐH Giáo dục Mầm non)	1	1			
				2119D03A (K19 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	5,6,7	7			HDH214
				2119D03B (K19 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	7	1			
				2119D01A (K19 ĐH Sư phạm Toán học)	7	3			HDH216
				2119D26A (K19 ĐH Điều dưỡng A)	6	23			
				2119D26B (K19 ĐH Điều dưỡng B)	6	21			
				2119D02A (K19 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	7	1			
				2119D06A (K19 ĐH Sư phạm Địa lý)	7	2			
4	LCC233	Kỹ năng thuyết trình	Vấn đáp	1816D18B (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)	1,2	3	25/7/2022	07g30	A21
				1917D18A (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	2	28			A32
				1917D18B (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		28			
				1917D18C (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	1	26			A33
				1917D18D (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)		26			A31

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
5	INT362	Quản trị mạng	Trắc nghiệm	1816D15A (K16 ĐH Công nghệ thông tin)	1	5	25/7/2022	10g30	B13
				2018D15A (K18 ĐH Công nghệ thông tin)		19			
8	BAD248	Kỹ năng hành chính văn phòng	Trắc nghiệm	1816D10A (K16 ĐH Kế toán A)		4	25/7/2022	13g30	C14
				1816D10B (K16 ĐH Kế toán B)		4			
				2018D10A (K18 ĐH Kế toán A)		1			
				2018D10B (K18 ĐH Kế toán B)		1			
				2018D11A (K18 ĐH Quản trị kinh doanh)		1			
9	AAC304	Kế toán quản trị	Vấn đáp	1816D10B (K16 ĐH Kế toán B)	1	3	26/7/2022	07g30	B23
				1917D10A (K17 ĐH Kế toán A)		8			
				2119D10N (K19 ĐH Kế toán (Ngành 2))		3			B24
				2018D10C (K18 ĐH Kế toán C (Định hướng chất lượng cao))		27			
10	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trắc nghiệm	2018D15A (K18 ĐH Công nghệ thông tin)	1,3	16	26/7/2022	07g30	B13
				1715D11A (K15 ĐH Quản trị kinh doanh)	4	1			
				1816D10A (K16 ĐH Kế toán A)	4	1			
				1816D10B (K16 ĐH Kế toán B)	4	1			
				1917D11A (K17 ĐH Quản trị kinh doanh)	4	1			
				2018D10A (K18 ĐH Kế toán A)	2,4	15	26/7/2022	07g30	HDH301
				2018D83A (K18 ĐH Công tác xã hội)	3	1			
				2018D30A (K18 ĐH Thú y)	3,4	15			
				2018D04A (K18 ĐH Ngôn ngữ Anh)	1,4	28			
				2018D18A (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	1,3	29			HDH214
				2018D18B (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)	1,2,3	27			HDH216

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
11	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trắc nghiệm	2018D18C (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	1,2	24	26/7/2022	09g00	HDH204
				2018D18D (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)	1,2	31			HDH301
				2018D28A (K18 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	3	5			HDH214
				1917D60A (K17 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	2	1			
				2018D60A (K18 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	1	6			
				1715D18A (K15 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	4	1			
				1816D18A (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	1	1			
				1917D18A (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	4	3			
				2018D03A (K18 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	2,4	15			HDH216
				2018D03B (K18 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	4	2			
12	GET502_1	Tiếng Anh 2 (1)	TN,TL,VĐ	1715D41A (K15 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử)	1	2	26/7/2022	07g30	HDH205
				2018D15A (K18 ĐH Công nghệ thông tin)		1			
				1917D11A (K17 ĐH Quản trị kinh doanh)		3			
				1614D30A (K14 ĐH Thú y)		1			
				1715D30A (K15 ĐH Thú y)		1			
				1816D12A (K16 ĐH Khoa học cây trồng)		1			
				1816D18B (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		2			
13	INT321	Hệ điều hành Linux	Thực hành	1816D15A (K16 ĐH Công nghệ thông tin)	1	1	26/7/2022	13g30	B13
				1917D15A (K17 ĐH Công nghệ thông tin A)		20			
14	INT350	Mạng máy tính	Trắc nghiệm	1816D15A (K16 ĐH Công nghệ thông tin)	1	2	26/7/2022	15g00	B13
				2119D15A (K19 ĐH Công nghệ thông tin A)		18			
				2119D15B (K19 ĐH Công nghệ thông tin B)		1			

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
15	DPT319	Triết học Mác - Lênin	Trắc nghiệm	1917D15A (K17 ĐH Công nghệ thông tin A)	1	2	27/7/2022	07g30	C14
				1715D11A (K15 ĐH Quản trị kinh doanh)		2			
				1816D10B (K16 ĐH Kế toán B)		2			
				1917D11A (K17 ĐH Quản trị kinh doanh)		2			
				1917D16A (K17 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		1			
				2018D11A (K18 ĐH Quản trị kinh doanh)		2			
				1614D30A (K14 ĐH Thú y)		1			
				1715D30A (K15 ĐH Thú y)		1			
				1917D05A (K17 ĐH Giáo dục Mầm non)		1			
16	GET501_1	Tiếng Anh 1 (1)	TN, TL, VB	2119D15A (K19 ĐH Công nghệ thông tin A)	2,4	33	27/7/2022	07g30	HDH301 +HDH12.03
				2119D41A (K19 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử)	1,2	27	27/7/2022	07g30	HDH214 +HDH12.04
				2119D15B (K19 ĐH Công nghệ thông tin B)	4	4	27/7/2022	07g30	HDH216 +HDH12.08
				2119D42A (K19 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)	5	3			
				1816D10A (K16 ĐH Kế toán A)		1			
				1816D11A (K16 ĐH Quản trị kinh doanh)	3	1			
				1917D11A (K17 ĐH Quản trị kinh doanh)		4			
				2018D10A (K18 ĐH Kế toán A)		1			
				2018D11A (K18 ĐH Quản trị kinh doanh)		1			
				2119D10A (K19 ĐH Kế toán A)		8			
				2119D10B (K19 ĐH Kế toán B)	4	2			
				2119D16A (K19 ĐH Tài chính - Ngân hàng)	1,2	11	27/7/2022	07g30	HDH204 +HDH12.09
				2119D83A (K19 ĐH Công tác xã hội)	5	10			
				2119D51A (K19 ĐH Kinh tế)		18	27/7/2022	07g30	B13
				2119D13A (K19 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	4	2			

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
17	GET501_1	Tiếng Anh 1 (1)	TN,TL,VĐ	2119D30A (K19 ĐH Thú y)	1	10	27/7/2022	07g30	HDH12.04 +HDH214
				2018D18A (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	3	1			
				2119D70A (K19 ĐH Giáo dục Thể chất)	5	9			
				2119D03A (K19 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	1,3	7			
				2119D03B (K19 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	3	1	27/7/2022	07g30	HDH12.08 +HDH216
				2119D01A (K19 ĐH Sư phạm Toán học)	1	3			
				2119D26A (K19 ĐH Điều dưỡng A)	1,2	13			
				2119D26B (K19 ĐH Điều dưỡng B)	1,2	11			
				2119D02A (K19 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	3	1			
				2119D06A (K19 ĐH Sư phạm Địa lý)	1	2			
18	HIS219	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Tự luận	1816D18B (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)	1	2	27/7/2022	13g30	A21
				1917D18A (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)		1			
				1917D18C (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)		4			
				1917D18D (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)		6			
19	ECE215	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	Tự luận	1715D05A (K15 ĐH Giáo dục Mầm non)		2	27/7/2022	13g30	
20	INT353	Lập trình C#	Thực hành	1816D15A (K16 ĐH Công nghệ thông tin)	1	3	27/7/2022	13g30	B13
				2018D15A (K18 ĐH Công nghệ thông tin)		18			
21	ETM307	Viết 1	Tự luận	1917D28A (K17 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	1	2	27/7/2022	13g30	A21
				2119D28A (K19 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	1	18			
				2119D04B (K19 ĐH Ngôn ngữ Anh)	1	1			
				2119D28N (K19 ĐH Sư phạm Tiếng Anh (Ngành 2))	1	1			

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
22	PHI347	Tiếng Việt	Tự luận	1816D18B (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		1	27/7/2022	13g30	A41
				1917D04A (K17 ĐH Ngôn ngữ Anh)		3			
				1917D18B (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		1			
				2018D04A (K18 ĐH Ngôn ngữ Anh)		1			
				2018D18C (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)		1			
				2119D04A (K19 ĐH Ngôn ngữ Anh A)		25			
				2119D04B (K19 ĐH Ngôn ngữ Anh B)		28			A42
				2119D18A (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)		21			A31
				2119D18A (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)		21			A32
				2119D18B (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		19			A33
				2119D18B (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		18			A34
				2119D18C (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)		20			A44
				2119D18C (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)		19			B23
				2119D18D (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)		20			B24
				2119D18D (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)		19			B25
				2119D18E (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc E)		18			B31
				2119D18E (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc E)		17			B32
23	PRM212	Bồi dưỡng HS năng khiếu toán ở tiểu học	Tiểu luận	2018D03N (K18 ĐH Giáo dục Tiểu học (Ngành 2))		1	27/7/2022	13g30	B14
24	PSY314	Tâm lý học giáo dục	Vấn đáp	2119D28N (K19 ĐH Sư phạm Tiếng Anh (Ngành 2))	1	3	27/7/2022	13g30	B33
				2018D70A (K18 ĐH Giáo dục Thể chất)		1			
				2119D60A (K19 ĐH Sư phạm Âm nhạc)		7			

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
25	AAC205	Phân tích hoạt động kinh doanh	Tự luận	1816D10A (K16 ĐH Kế toán A)	1	1	28/7/2022	07g30	A32
				1816D10B (K16 ĐH Kế toán B)		4			
				1917D10A (K17 ĐH Kế toán A)		1			
				2018D10A (K18 ĐH Kế toán A)		14			
				2018D10B (K18 ĐH Kế toán B)		1			
				2119D10N (K19 ĐH Kế toán (Ngành 2))		3			
				2018D10C (K18 ĐH Kế toán C (Định hướng chất lượng cao))		27			A41
26	DPT221	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trắc nghiệm	1917D15A (K17 ĐH Công nghệ thông tin A)	1	2	28/7/2022	07g30	HDH205
				1816D10A (K16 ĐH Kế toán A)		1			
				1917D11A (K17 ĐH Quản trị kinh doanh)		1			
				1917D16A (K17 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		1			
				1614D30A (K14 ĐH Thú y)		1			
				1917D12A (K17 ĐH Khoa học cây trồng)		3			
				1917D30A (K17 ĐH Thú y)		5			
				2018D30A (K18 ĐH Thú y)		15			HDH301
				1816D04A (K16 ĐH Ngôn ngữ Anh)		1			
				1816D18B (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		1			
				1917D04A (K17 ĐH Ngôn ngữ Anh)		4			
				1917D18A (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)		1			
				1917D18B (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		2			
				1917D18C (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)		1			
				1917D18D (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)		2			

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	
27	INT326	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT	Tự luận	2018D15A (K18 ĐH Công nghệ thông tin)	1	23	28/7/2022	07g30	A31	
28	LCC232	Lý thuyết dịch	Tự luận	1917D18A (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	2	1	28/7/2022	07g30	A42	
				1917D18C (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)		1				
				2018D18A (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	1	31			A53	
				2018D18B (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)	1,2	30				A43
				2018D18C (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	2	25				A52
				2018D18D (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)		29				A53
				2018D18N (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc (Ngành 2))		1				
29	JAP203	Tiếng Nhật (3)	Trắc nghiệm	2018D41A (K18 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử)	1	10	28/7/2022	08g30	HDH214	
				2018D04A (K18 ĐH Ngôn ngữ Anh)		3				
				2018D18A (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	2	13			HDH216	
				2018D18B (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		11				
				2018D18C (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	1	8				
				2018D18D (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)		1				
				2018D28A (K18 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		1				

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
30	JAP401	Tiếng Nhật (1)	Trắc nghiệm	2119D18B (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)	1	2	28/7/2022	08g30	HDH301
				2119D18C (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)		5			
				2119D18D (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)		1			
				2119D26A (K19 ĐH Điều dưỡng A)		10			
				2119D26B (K19 ĐH Điều dưỡng B)		10			
31	GET501_2	Tiếng Anh 1 (2)	TN,TL,VĐ	1715D41A (K15 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử)	1	1	28/7/2022	13g30	HDH205
				1917D15A (K17 ĐH Công nghệ thông tin A)		1			
				1816D10A (K16 ĐH Kế toán A)		2			
				1816D10B (K16 ĐH Kế toán B)		1			
				1917D10A (K17 ĐH Kế toán A)		1			
				1917D11A (K17 ĐH Quản trị kinh doanh)		1			
				2018D10A (K18 ĐH Kế toán A)		1			
				2018D11A (K18 ĐH Quản trị kinh doanh)		1			
				1614D30A (K14 ĐH Thú y)		1			
32	BAD303	Marketing căn bản	Trắc nghiệm	1816D10A (K16 ĐH Kế toán A)		1	29/7/2022	07g30	C14
				1816D10B (K16 ĐH Kế toán B)		2			
				2018D10A (K18 ĐH Kế toán A)		1			
				2119D10A (K19 ĐH Kế toán A)		1			
				2119D10B (K19 ĐH Kế toán B)		1			
				2119D10C (K19 ĐH Kế toán C)		6			
				2119D16A (K19 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		3			
				2119D51A (K19 ĐH Kinh tế)		7			

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
34	DPT215	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trắc nghiệm	1816D11A (K16 ĐH Quản trị kinh doanh)	1	1	29/7/2022	07g30	HDH214
				2018D10A (K18 ĐH Kế toán A)		1			
				2018D11A (K18 ĐH Quản trị kinh doanh)		1			
				1614D30A (K14 ĐH Thú y)		1			
				1816D12A (K16 ĐH Khoa học cây trồng)		2			
				2018D13A (K18 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))		4			
				1917D18D (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)		1			
35	LCC219	Viết 3	Tự luận	1715D18A (K15 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	5	1	29/7/2022	07g30	A32
				1816D18A (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	1,3	3			
				1816D18B (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)	4	1			
				1917D18C (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	1	1			
				1917D18D (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)	2	3			
				2018D18A (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	5	1			A31
				2018D18B (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		1			
				2018D18C (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	1	1			
				2119D18A (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)		21			
				2119D18A (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)		21			
				2119D18B (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)	2	19			
				2119D18B (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		18			
				2119D18C (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	3	20			
				2119D18C (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)		19			
				2119D18D (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)	4	20			
				2119D18D (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)		19			
									A33
									A34
									A44
									A21
									B23
									B24

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
				2119D18E (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc E)	5	18			B25
				2119D18E (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc E)		17			B31
	LCC502_2	Tiếng Trung 2 (2)	TN,VĐ	1816D04A (K16 ĐH Ngôn ngữ Anh)	1	9	29/7/2022	07g30	HDH205
				2018D04A (K18 ĐH Ngôn ngữ Anh)		25			HDH204
	PRM219	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	Tiểu luận	2018D03N (K18 ĐH Giáo dục Tiểu học (Ngành 2))		1	29/7/2022	07g30	B14
	HIS215	Lịch sử quan hệ quốc tế	Vấn đáp	1816D18A (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	1	2	29/7/2022	09g30	B32
				1816D18B (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		3			
				1917D18A (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)		3			
				1917D18B (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		1			
				1917D18C (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)		1			
	TAC419	Thực tế tổng hợp	Bài thu hoạch	2119D81A (K19 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)	1	17	29/07/22	09g30	B14
				2119D84A (K19 ĐH Du lịch)		10			
	TAC202	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vấn đáp	2119D18A (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)		21	29/07/22	13g30	B23
				2018D03A (K18 ĐH Giáo dục Tiểu học A)		5			B24
				2119D18A (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)		20			
				2119D60A (K19 ĐH Sư phạm Âm nhạc)		7			
				2119D18B (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		35			B25

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
	AAC310	Kế toán quốc tế	Trắc nghiệm	2018D10A (K18 ĐH Kế toán A)	1	2	30/7/2022	07g30	C13
				2119D10N (K19 ĐH Kế toán (Ngành 2))		3			
				1917D10B (K17 ĐH Kế toán B)		1			
				2018D10C (K18 ĐH Kế toán C (Định hướng chất lượng cao))		27			C14
	ECO251	Thống kê doanh nghiệp	Tự luận	1715D11A (K15 ĐH Quản trị kinh doanh)	1	1	30/7/2022	07g30	B23
				1816D10A (K16 ĐH Kế toán A)		1			
				1816D10B (K16 ĐH Kế toán B)		3			
				1917D10A (K17 ĐH Kế toán A)		5			
				1917D10B (K17 ĐH Kế toán B)		1			
				2018D10B (K18 ĐH Kế toán B)		1			
	INT355	Lập trình Java	Thực hành	1816D15A (K16 ĐH Công nghệ thông tin)	1	2	30/7/2022	07g30	B13
				2018D15A (K18 ĐH Công nghệ thông tin)		2			
				2119D15A (K19 ĐH Công nghệ thông tin A)		16			
				2119D15B (K19 ĐH Công nghệ thông tin B)		3			
	LCC230	Văn học Trung Quốc	Tự luận	1816D18A (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	1	1	30/7/2022	07g30	A32
				1917D18A (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)		28			A41
				1917D18B (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		28			
				1917D18C (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	1,2	26			A42
				1917D18D (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)	2	26			A43
				2018D18N (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc (Ngành 2))	1	1			

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
	MAT251	Xác suất thống kê	Vấn đáp	1816D10B (K16 ĐH Kế toán B)	1	2	30/7/2022	09g30	A21
				1816D11A (K16 ĐH Quản trị kinh doanh)		1			
				1917D11A (K17 ĐH Quản trị kinh doanh)		4			
				2018D10A (K18 ĐH Kế toán A)		2			
				2119D83A (K19 ĐH Công tác xã hội)		1			
	GET502_2	Tiếng Anh 2 (2)	TN,TL,VĐ	1816D42A (K16 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)	1	1	30/7/2022	13g30	HDH204
				1917D15A (K17 ĐH Công nghệ thông tin A)		3			
				2018D15A (K18 ĐH Công nghệ thông tin)		6			
				1816D10B (K16 ĐH Kế toán B)		2			
				1917D10A (K17 ĐH Kế toán A)		1			
				1917D11A (K17 ĐH Quản trị kinh doanh)		1			
				1816D30A (K16 ĐH Thú y)		3			
				1816D18B (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		1			
				1917D05A (K17 ĐH Giáo dục Mầm non)		2			
				2018D05A (K18 ĐH Giáo dục Mầm non)		1			
	DPT204	Logic học đại cương	Vấn đáp	2018D83A (K18 ĐH Công tác xã hội)	1	1	31/7/2022	07g30	A21
				1816D18B (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)		1			
				2018D84A (K18 ĐH Du lịch)		1			
				2119D81A (K19 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)		17			
				2119D84A (K19 ĐH Du lịch)		10			

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
	LCC235	Tiếng Hán thương mại	Vấn đáp	1816D18A (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	4	1	31/7/2022	07g30	A31
				1816D18B (K16 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)	2	1			
				1917D18C (K17 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	3	1			
				2018D18A (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc A)	2,3	21			
				2018D18B (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc B)	2	20			A33
				2018D18C (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	3,4	24			A32
				2018D18D (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)	3,4	29			A34
				2018D18N (K18 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc (Ngành 2))	3	1			
	TAC202	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vấn đáp	2119D18C (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc C)	1	10	31/7/2022	07g30	B23
				2119D18D (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)		14			
				2119D18D (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc D)		23			B24
				2119D18E (K19 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc E)		34			B25
	TAC223	Kĩ năng giám sát nghiệp vụ	Bài tập lớn	2018D84A (K18 ĐH Du lịch)	1	8	31/7/2022	07g30	B14
	TAC346	Thực hành nghiệp vụ lễ hành	Bài tập lớn	2018D81A (K18 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lễ hành)	1	17	31/7/2022	07g30	
	TAC329	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn	Thực hành	2018D81A (K18 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lễ hành)	1	17	31/7/2022	13g30	C12
				2119D81A (K19 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và Lễ hành)		17			
	TAC393	Thực hành tổ chức sự kiện	Bài tập lớn	2018D84A (K18 ĐH Du lịch)	1	9	31/7/2022	13g30	B14
				2119D84A (K19 ĐH Du lịch)		10			

STT	Mã MH	Học phần	Hình thức thi	Lớp tuyển sinh	Nhóm	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi
	PHE101	Giáo dục thể chất 1	Thực hành	1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)	1	1	31/7/2022	13g30	Khoa NT&TDTT
				1816D11A (K16 ĐH Quản trị kinh doanh)		1			
				1917D10A (K17 ĐH Kế toán A)		1			
				1917D11A (K17 ĐH Quản trị kinh doanh)		3			
				2018D83A (K18 ĐH Công tác xã hội)		2			
				1917D04A (K17 ĐH Ngôn ngữ Anh)		1			
				1715D02A (K15 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		1			
				2018D02A (K18 ĐH Sư phạm Ngữ văn)		1			
	PHE103_7	GDTC3:Taekwondo2	Thực hành	1816D15A (K16 ĐH Công nghệ thông tin)	1	1	31/7/2022	15g30	Khoa NT&TDTT
				1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)		1			
				1816D10A (K16 ĐH Kế toán A)		3			
				1816D10B (K16 ĐH Kế toán B)		1			
				1917D10A (K17 ĐH Kế toán A)		1			
				2119D28A (K19 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)		15			
				2119D03B (K19 ĐH Giáo dục Tiểu học B)		1			

Phú Thọ, ngày 18 tháng 7 năm 2022

KT.HIỆU TRƯỞNG

P.Hiệu trưởng

Đã ký

Đỗ Tùng

TRUNG TÂM ĐBCL

P.Giám đốc

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh Vân

NGƯỜI LẬP LỊCH

Đã ký

Nguyễn Thành Trung